

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng
phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 56/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin
đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP và Nghị định
số 49/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai được sửa đổi,
bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP và Nghị định số 49/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02
cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 226/2025/NĐ-CP và Nghị định số 49/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định*



của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2026 và Công văn số 4636/UBND-STC ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 122/BC-ĐT ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với người nộp phí, tổ chức thu phí, các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Người nộp phí và tổ chức thu phí

1. Người nộp phí

Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là Tổ chức); Cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi chung là Cá nhân) có nhu cầu và được cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền thẩm định hồ sơ để thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (bao gồm: cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp) theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức thu phí

- a) Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.
- b) Cơ quan nhà nước thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Điều 3. Mức thu phí

Mức thu phí quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Đối tượng miễn nộp phí; trường hợp nộp phí “0 đồng”

1. Đối tượng miễn nộp phí

a) Người thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của thành phố; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp liên quan đến việc chuyển đổi giấy tờ do sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về việc miễn thu phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất khi thực hiện việc chuyển đổi giấy tờ do sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Trường hợp nộp phí “0 đồng”

Đối với các xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trường hợp khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng thì áp dụng mức thu phí “0 đồng” đối với Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hồ sơ Cấp giấy chứng nhận lần đầu (không bao gồm hồ sơ cấp giấy chứng nhận lần đầu cho các tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu phí, lệ phí “0 đồng” khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí có trách nhiệm kê khai, thu, nộp và quyết toán phí thu, chi theo quy định tại Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

2. Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước nộp đầy đủ, kịp thời 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo Chương, Mục, Tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

3. Để lại 70% tổng số tiền phí thu được cho tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập để phục vụ công tác thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP; phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) quy định mức thu, đối tượng thu, nộp, chế độ quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
3. Nghị quyết này bãi bỏ Điều 10 Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định mức thu, nộp, quản lý, sử dụng một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.
4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng quy định tại văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031, Kỳ họp thứ 02 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc của Thành ủy;
- Các Ban của HĐND thành phố; đại biểu HĐND thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- VP UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN phường, xã, đặc khu;
- Báo và PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Chuyên đề CA TPĐN, Công TTĐT thành phố, Công báo thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Dũng



Phụ lục

**MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **35**./2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	LOẠI HỒ SƠ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC THU		
			Cá nhân	Tổ chức	
				Thủ tục hành chính cấp thành phố	Thủ tục hành chính cấp xã
I	CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU				
1	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với đất	Đồng/hồ sơ	190.000	778.000	630.000
2	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất	Đồng/hồ sơ	190.000	778.000	630.000
3	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản gắn liền với đất	Đồng/hồ sơ	250.000	778.000	630.000
II	CẤP MỚI, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN				
1	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với đất	Đồng/hồ sơ	200.000	430.000	
2	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất	Đồng/hồ sơ	200.000	430.000	
3	Đăng ký cấp Giấy chứng nhận đối với đất và tài sản gắn liền với đất	Đồng/hồ sơ	250.000	560.000	
III	CHỨNG NHẬN BIẾN ĐỘNG VÀO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ CẤP				
1	Chứng nhận biến động đối với đất	Đồng/hồ sơ	300.000	850.000	
2	Chứng nhận biến động đối với tài sản gắn liền với đất	Đồng/hồ sơ	350.000	850.000	
3	Chứng nhận biến động đối với đất và tài sản gắn liền với đất	Đồng/hồ sơ	500.000	1.000.000	